

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/03/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Chuyển
2. Ông Nguyễn Ngọc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021; giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Hà Mỹ L, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 191, đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn T, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Trần Tử H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cuối cùng tại Việt Nam: Số 191, đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 07/12/2020 nguyên đơn chị Hà Mỹ L trình bày:

Chị và anh Trần Tử H được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2017 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh

Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng chung sống cùng gia đình chồng. Đến ngày 24/01/2018 anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Ngày 09/3/2018 chị sinh con và kể từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ngày 18/8/2019 anh H về nước thăm gia đình sau 20 tháng xa nhà, đến ngày 21/8/2019 do mâu thuẫn vợ chồng cãi nhau anh H đuổi chị đi, ngày hôm sau chị xin phép về gia đình ngoại, nhưng được mọi người khuyên ngăn nên chị lại quay về nhà chồng. Đến ngày 10/9/2019 anh H lại sang Hàn Quốc tiếp tục thời gian lao động theo hợp đồng. Sau khi sang Hàn Quốc anh H có gửi một số tiền tiêu vặt đến 18/9/2020 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Anh H đã chặn mọi phương tiện liên lạc với chị, đến nay chị vẫn không thể liên lạc được với anh H. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tử H.

-Về con chung: Chị và anh H có 1 con chung là Trần Hoàng B, sinh ngày 09/3/2018. Hiện nay cháu B đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng B và yêu cầu anh Trần Tử H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, kể từ khi xét xử sơ thẩm.

-Về tài sản chung, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L còn trình bày: Hiện nay anh H vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị không liên lạc được với anh H, anh H vẫn liên lạc về cho mẹ đẻ anh H là bà Lương Thị T, sinh năm 1974; trú tại Số 191, đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nhưng mẹ anh H cũng không cung cấp địa chỉ cho chị nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh H được, chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Trần Tử H.

Bị đơn anh Trần Tử Hoàng không có bản tự khai.

Ngày 18/12/2020 và ngày 30/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành lập biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Trần Tử H là bà Lương Thị T, sinh năm 1974; trú tại: Số 191, đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà T thông báo cho anh H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Hà Mỹ L và anh Trần Tử H; yêu cầu anh H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà T vẫn giữ nguyên quan điểm là anh H ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh H, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh H biết để anh H

gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh H gửi về.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hà Mỹ L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Tử H vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Hà Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh H; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh H là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 điều 477; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Mỹ L.

Xử cho chị Hà Mỹ L được ly hôn anh Trần Tử H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 09/3/2018 cho chị L nuôi dưỡng. Anh Trần Tử H phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/1 tháng từ khi xét xử sơ thẩm (05/3/2020) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Chị Hà Mỹ L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Trần Tử H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Mỹ L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hà Mỹ L.

Đối với bị đơn anh Trần Tử H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh H là bà Lương Thị T để giao

thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà T thông báo cho anh Trần Tử H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Hà Mỹ L và anh Trần Tử H; Yêu cầu anh H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Bà Lương Thị T trình bày: Anh H vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Tử H theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Hà Mỹ L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Trần Tử H, anh H hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tại Công văn số 21375/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 18/11/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, thì anh Trần Tử H xuất nhập cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 10/9/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh H ở Việt Nam là: Số 191, đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Hà Mỹ L và anh Trần Tử H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2017 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà chồng chung sống cùng gia đình chồng. Đến ngày 24/01/2018 anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Ngày 09/3/2018 chị sinh con và kể từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ngày 18/8/2019 anh Trần Tử H về thăm gia đình, đến ngày 21/8/2018 do mâu thuẫn vợ chồng cãi nhau, anh H có đuổi chị đi, chị có xin về gia đình bên ngoại nhưng được mọi người khuyên ngăn nên chị vẫn ở lại nhà chồng. Đến ngày 10/9/2019 anh H lại sang Hàn Quốc. Sau khi sang Hàn Quốc anh H được một thời gian ngày 18/9/2020 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, anh H đã chặn mọi phương tiện liên lạc với chị đến nay chị vẫn không thể liên lạc được với anh H. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tử H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Mỹ L với anh Trần Tử H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L và anh H chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì anh H đi lao động tại nước ngoài. Đến ngày 09/3/2018 thì chị sinh con và cũng kể từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sau khi anh H về nước thì tình cảm vợ chồng không được cải thiện vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến ngày 10/9/2019 anh H lại sang Hàn Quốc lao động được một thời gian chị và anh H không còn liên lạc gì với nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Xử cho chị L được ly hôn anh H.

[4]. Về nuôi con chung: Chị L và anh H có 1 con chung là Trần Hoàng B, sinh ngày 09/3/2018. Hiện nay cháu B đang ở với chị L. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng B và yêu cầu anh Trần Tử H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000đ/1 tháng kể từ khi xét xử sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi,

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh H đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Trần Tử H từ khi đi nước ngoài thì cháu Trần Hoàng B vẫn do chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Mỹ L. Giao cho chị Hà Mỹ L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 09/3/2018 là phù hợp điều kiện thực tế.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Mỹ L yêu cầu anh Trần Tử H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng/1 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con và thời gian cấp dưỡng nuôi con chung theo đề nghị của chị L. Hội đồng xét xử thấy: căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của một đứa trẻ về tiền ăn, tiền gửi trẻ và điều kiện thực tế của hai bên. Do vậy chấp nhận đề nghị của chị L buộc anh Trần Tử H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 2.000.000 đồng/1 tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 đến khi cháu Trần Hoàng B đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành (anh H) không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Anh Trần Tử H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Hà Mỹ L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Anh Trần Tử H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Mỹ L được ly hôn với anh Trần Tử H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Mỹ L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 09/3/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Trần Tử H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2021 đến khi con chung Trần Hoàng B đủ 18 tuổi.

Anh Trần Tử H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Hà Mỹ L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000834 ngày 07/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ.

-Anh Trần Tử H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hà Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Trần Tử H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường T, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

